

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực ven biển hai xã Tân Tiến – Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ IX thông qua ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH 14 ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật Xây dựng sửa đổi số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;*

*Căn cứ Luật 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính Phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 20/08/2019 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “các công trình hạ tầng kỹ thuật” 07:2016/BXD;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng 01:2021/BXD;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định,*

*phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng, quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.*

*Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị xã La Gi đến năm 2035;*

*Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của thị xã La Gi;*

*Căn cứ Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chung thị xã La Gi đến năm 2035;*

*Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND thị xã La Gi về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực ven biển hai xã Tân Tiến – Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận;*

*Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND thị xã La Gi về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực ven biển hai xã Tân Tiến – Tân Hải, thị xã La Gi;*

*Căn cứ Công văn số 2033/SXD-QHKT ngày 04/8/2023 về việc góp ý đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực ven biển xã Tân Bình – Tân Tiến và Tân Tiến – Tân Hải, thị xã La Gi;*

*Căn cứ Thông báo Kết luận số 933-KL/TU ngày 08/11/2023 của Ban Thường vụ Thị ủy về nội dung 03 đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực ven biển xã Tân Phước, Tân Bình – Tân Tiến, Tân Tiến – Tân Hải, thị xã La Gi;*

*Căn cứ Thông báo Kết luận số 934-KL/TU ngày 09/11/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã về nội dung 03 đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực ven biển xã Tân Phước, Tân Bình – Tân Tiến, Tân Tiến – Tân Hải, thị xã La Gi;*

*Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của Hội đồng nhân dân thị xã về đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực ven biển hai xã Tân Tiến – Tân Hải, thị xã La Gi;*

*Theo đề nghị của phòng Quản lý đô thị tại tờ trình số 1094/TTr-QLĐT ngày 15/11/2023; Kết quả thẩm định số 1093/TĐ-QLĐT ngày 15/11/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực ven biển hai xã Tân Tiến – Tân Hải, thị xã La Gi; với các nội dung chính như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực ven biển hai xã Tân Tiến – Tân Hải, thị xã La Gi;

**2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:** Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thị xã La Gi.

### **3. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch**

Phân khu Khu vực ven biển xã Tân Tiến, Tân Hải có phạm vi thuộc ranh giới hành chính xã Tân Hải và xã Tân Tiến.

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 1.812,77ha

- Phạm vi được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc Giáp khu vực đất nông nghiệp xã Tân Hải, Tân Tiến.

+ Phía Nam Giáp biển Đông.

+ Phía Tây Giáp xã Tân Bình.

+ Phía Đông Giáp huyện Hàm Thuận Nam.

### **4. Mục tiêu lập quy hoạch**

Nhằm cụ thể hóa Đồ án quy hoạch chung thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận đến năm 2035 có tỷ lệ 1/10.000 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 và điều chỉnh tại Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 20/10/2023.

Xây dựng khu vực ven biển xã Tân Tiến, Tân Hải trở thành một khu đô thị du lịch - dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao theo hướng hiện đại, đồng bộ, tiện nghi, thân thiện môi trường và cảnh quan thiên nhiên xung quanh.

Các công trình công cộng bao gồm: y tế, giáo dục, thương mại - dịch vụ, văn hóa, công sở nhà nước; cây xanh, công viên, vườn hoa đầy đủ và đồng bộ hiện đại đáp ứng môi trường sống và làm việc của người dân địa phương và tính chất đô thị đủ tiêu chí hạ tầng kỹ thuật của thị xã và thành phố trong tương lai.

Hình thành các vùng trồng cây ăn quả giá trị cao, cây đặc sản địa phương (thanh long). Xây dựng vùng nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm ngành nông nghiệp. Bảo tồn các quỹ đất thuận lợi cho xây dựng.

### **5. Tính chất, các khu chức năng**

Là trung tâm du lịch nghỉ dưỡng sinh thái dọc bờ biển, khu du lịch cộng đồng, trải nghiệm không gian văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội đặc trưng.

Là đô thị sinh thái với đầy đủ các chức năng của đô thị hiện đại, kết hợp thương mại dịch vụ, phát triển loại hình công nghệ cao.

Các khu chức năng chính của đô thị:

- Tiểu khu 1: Khu du lịch sinh thái ven biển Tân Hải – Tân Tiến.
- Tiểu khu 2: Khu trung tâm hành chính, ở - thương mại – dịch vụ Tân Hải.
- Tiểu khu 3: Khu trung tâm hỗn hợp văn hóa – thương mại – dịch vụ.
- Tiểu khu 4: Khu ở hiện hữu kết hợp khu ở mới cùng các tiện ích đô thị.

## 6. Bộ cục quy hoạch kiến trúc

### 6.1. Quy hoạch sử dụng đất

| STT       | Loại đất                                                  | Diện tích (ha)  | Tỷ lệ (%)     | Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người) |
|-----------|-----------------------------------------------------------|-----------------|---------------|----------------------------------|
|           | <b>Tổng diện tích khu vực nghiên cứu lập quy hoạch</b>    | <b>1.812,77</b> | <b>100,00</b> |                                  |
| <b>I</b>  | <b>Khu đất dân dụng</b>                                   | <b>942,75</b>   | <b>52,01</b>  |                                  |
| 1         | Đất nhóm nhà ở                                            | 634,46          | 35,00         | 79,51                            |
| 1.1       | <i>Đất ở hiện trạng cải tạo</i>                           | 177,65          | 9,80          | 22,26                            |
| 1.2       | <i>Đất ở mới</i>                                          | 111,30          | 6,14          | 13,95                            |
| 1.3       | <i>Đất hỗn hợp thương mại - dịch vụ (có ở)</i>            | 345,51          | 19,06         | 43,30                            |
| 2         | Đất dịch vụ                                               | 25,62           | 1,41          | 3,21                             |
| 3         | Đất trường THCS, Tiểu học, mầm non                        | 24,62           | 1,36          | 3,09                             |
| 4         | Đất y tế                                                  | 2,66            | 0,15          | 0,33                             |
| 5         | Đất cây xanh sử dụng công cộng                            | 73,08           | 4,03          | 9,16                             |
| 6         | Đất giao thông đối nội                                    | 182,3           |               |                                  |
| 6.1       | <i>Đất bãi đỗ xe</i>                                      | 19,14           | 1,06          | 2,40                             |
| 6.2       | <i>Đất đường giao thông (tính đến đường phân khu vực)</i> | 163,17          | 9,00          | 20,45                            |
| <b>II</b> | <b>Đất khác</b>                                           | <b>870,02</b>   | <b>47,99</b>  |                                  |
| 1         | Đất tôn giáo, di tích                                     | 16,11           | 0,89          | 2,02                             |
| 2         | Đất an ninh, quốc phòng                                   | 0,89            | 0,05          | 0,11                             |
| 3         | Đất cơ quan, công sở                                      | 3,13            | 0,17          | 0,39                             |
| 4         | Đất văn hóa                                               | 7,29            | 0,40          | 0,91                             |
| 5         | Đất dịch vụ - du lịch                                     | 310,20          | 17,11         | 38,87                            |

|    |                           |        |       |       |
|----|---------------------------|--------|-------|-------|
| 6  | Đất khai thác khoáng sản  | 13,01  | 0,72  | 1,63  |
| 7  | Đất nuôi trồng thủy sản   | 41,41  | 2,28  | 5,19  |
| 8  | Đất sản xuất nông nghiệp  | 294,56 | 16,25 | 36,91 |
| 9  | Đất hạ tầng kỹ thuật khác | 2,42   | 0,13  | 0,30  |
| 10 | Đất chưa sử dụng          | 0,44   | 0,02  | 0,05  |
| 11 | Đất rừng sản xuất         | 30,41  | 1,68  | 3,81  |
| 12 | Đất cây xanh cách ly      | 2,86   | 0,16  |       |
| 13 | Giao thông đối ngoại      | 45,33  | 2,50  | 5,68  |
| 14 | Đất bãi cát               | 50,73  | 2,80  |       |
| 15 | Mặt nước                  | 51,25  | 2,83  |       |

## 6.2. Quy hoạch kiến trúc và cảnh quan

### 6.2.1. Khu du lịch sinh thái ven biển Tân Hải - Tân Tiến.

- Tuyến đường kết nối chạy ven biển Tân Hải - Tân Tiến, tạo ra tuyến du lịch ven biển và đây cũng là tuyến giao thông huyết mạch của khu vực.

- Khu vực có chức năng chính là resort nghỉ dưỡng ven biển với các mô hình nhằm thu hút khách du lịch như: khu vực nghỉ dưỡng cao cấp biệt lập và các khu resort phù hợp với từng nhu cầu của khách.

- Bên cạnh khu vực dân cư hiện trạng cải tạo và mở rộng, khu hỗn hợp thương mại - dịch vụ đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của khu vực. Những đại diện doanh nghiệp đầu tư công nghiệp, du lịch, nông nghiệp cần một khu vực thuận tiện về giao thông, cơ sở hạ tầng để đặt văn phòng đại diện, quảng bá và giao dịch sản phẩm, hợp đồng. Khu vực này cần phát triển mật độ cao, giúp tạo ra sự kết nối cần thiết giữa các đại diện thương mại cũng như tạo ra một khu vực dịch vụ thương mại năng động.

- Các vị trí thu hút điểm nhìn trọng tâm như các khu vực quảng trường, các điểm kết của trục đường được tổ chức các công trình có hình thái kiến trúc đặc trưng để tạo điểm nhấn, tăng cao công trình trong khu vực thay đổi sinh động theo loại hình chức năng.

### 6.2.2. Khu trung tâm hành chính, ở thương mại - dịch vụ Tân Hải.

- Khu vực trung tâm hành chính gồm các công trình: UBND xã, trạm y tế, nhà văn hóa, chợ, Trường học và các công trình công cộng khác thuộc xã Tân Hải được bố trí trong khu vực này dựa trên nền hiện trạng cũ, cải tạo chỉnh trang các công trình nâng cao giá trị thẩm mỹ và mục đích sử dụng.

- Sân thể dục thể thao được xây dựng mới, bố trí đối diện với nhà văn hóa để tiện cho các hoạt động văn hóa thể dục thể thao của xã. Sân được xây dựng

với diện tích 7,35ha đáp ứng các nhu cầu hoạt động thể dục thể thao: bóng đá, các hoạt động ngoài trời do xã tổ chức..

- Có sông Phan chạy qua, cũng là khu vực cửa biển vì vậy nên khu vực có những lợi thế để phát triển dịch vụ - du lịch nghỉ dưỡng với mật độ thấp.

- Chính trang cải tạo các khu vực dân cư hiện hữu, xây dựng thêm các khu dân cư mới đan xen với hình thức kiến trúc hiện đại.

- Bố trí thêm khu vực phía Bắc trung tâm giáo dục với các cấp: Tiểu học, THCS và trung tâm dạy nghề để đáp ứng nhu cầu học tập do dân số tăng.

#### 6.2.3. Khu trung tâm hỗn hợp văn hóa - thương mại - dịch vụ.

- Là khu vực trung tâm hỗn hợp của toàn khu vực kết hợp với du lịch tâm linh "Dinh Thầy Thím" tạo nên bản sắc khu vực

- Khu vực có quỹ đất rộng vì vậy trung tâm hỗn hợp được tổ chức với diện tích lớn là tiền đề để thu hút đầu tư và khách du lịch.

- Khu vực phía Bắc bố trí quỹ đất dự trữ phát triển.

#### 6.2.4. Khu ở hiện hữu kết hợp khu ở mới cùng các tiện ích đô thị.

Hiện nay các công trình nhà ở đang xây dựng rải rác xem kẽ trong khu vực nông nghiệp. Các tuyến giao thông kết nối chưa được đầu tư hoàn thiện, một số đoạn đã bê tông hóa, một số thì vẫn là đường đất. Đề xuất quy hoạch lại các khu vực dân cư rải rác, các tuyến giao thông và bổ sung các công trình công cộng phục vụ dân cư như nhà văn hóa, sân chơi thiếu nhi, trạm y tế...

Tạo ra những không gian sinh hoạt cộng đồng như quảng trường, đường dạo, nhằm phục vụ các hoạt động tham quan của khách du lịch, nâng cao điều kiện sống của người dân.

### 6.3. Thiết kế đô thị

#### 6.3.1. Khu vực cửa ngõ

Khu vực cửa ngõ tại các tuyến giao thông chính kết nối với bên ngoài được quan tâm xử lý đặc biệt nhằm tạo ấn tượng đặc trưng cho toàn khu vực. Sử dụng hệ thống các quảng trường, không gian xanh, công trình kiến trúc đặc biệt để tạo nên hình thái kiến trúc đặc trưng theo các khu vực.

Có 4 điểm cửa ngõ gồm: 2 cửa ngõ phía Bắc tại đường Lê Thánh Tôn đi Hàm Tân, cửa ngõ phía đường Ngô Đức Tôn, cửa ngõ phía Tây hướng đi Hiệp An và cửa ngõ phía Đông hướng đi Hàm Thuận Nam.

Không gian hỗn hợp thương mại dịch vụ được thiết kế mật độ thấp, là những công trình thấp tầng có thiết kế độc đáo, phong cách hiện đại, thân thiện.

Vị trí nằm tại khu vực cửa ngõ và các nút giao quan trọng, đảm bảo bán kính phục vụ và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân.

### 6.3.2. Không gian công viên cây xanh đường dạo:

Chức năng: là các không gian công viên cây xanh tập trung, các dải cây xanh liên kết, không gian mở trong nhóm tổ hợp công trình chức năng.

Cây xanh trong phân khu đô thị gồm cây xanh thành phố, khu ở, đơn vị ở (công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố).

Trong đất cây xanh đơn vị ở bao gồm: Vườn hoa (tổ chức dành cho dạo chơi, thư giãn, nghỉ ngơi) sinh hoạt văn hóa như: biểu diễn nghệ thuật quần chúng, triển lãm hay hoạt động tập luyện TDTT,...

Trục cảnh quan ven sông Phan: Hành lang ven sông từ 80-100m kể từ mép nước là không gian xanh kết hợp hành lang bảo vệ sông, tại các khu vực gắn kết với các không gian chức năng quan trọng hay không gian mở từ đô thị ra sông bố trí khu vực quảng trường theo chuyên đề kết hợp với các công trình dịch vụ tạo bộ mặt hiện đại, sinh động của một đô thị dọc sông.

### 6.3.3. Khu du lịch ven biển

Với lợi thế bãi biển dài và đẹp, những bãi cát trắng hình thành nên những khu du lịch ven biển.

Quan điểm thiết kế:

- + Là hình ảnh bộ mặt của khu vực.
- + Tạo cảm giác thân thiện và sinh thái như một công viên với cây xanh và đường dạo. không phá vỡ cảnh quan vốn có
- + Tạo ra các không gian du lịch đa dạng, đẳng cấp nâng tầm du lịch địa phương
- + Thiết kế các công trình tinh tế, hiện đại tạo diện mạo mới cho khu vực ven biển.

### 6.3.4. Khu hỗn hợp

Khu vực tiếp giáp với không gian du lịch là khu hỗn hợp là khu vực chuyển tiếp giữa khu dân cư hiện hữu, khu ở mới và khu vực không gian du lịch và bãi biển.

Là khu vực phát triển đô thị hỗn hợp, gồm các chức năng ở kết hợp thương mại dịch vụ, công cộng. Cung cấp dịch vụ, chỗ ở và làm việc cho dân cư hiện hữu và phát triển mới. Vừa là khu vực hỗ trợ cho phần đất du lịch du lịch, cung cấp lao động, dịch vụ phục vụ du lịch.

Tạo dựng được khu trung tâm hoạt động đô thị sống động, hấp dẫn doanh nghiệp thương mại dịch vụ; là đầu mối hệ thống giao thông công cộng, có khả năng đáp ứng nhiều loại công trình khác nhau, cấu trúc đô thị linh hoạt theo nhu cầu thay đổi của thị trường; Có sự kết hợp đa dạng, hỗn hợp chức năng công trình.

## **7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **7.1. Hệ thống giao thông**

Trên cơ sở tuân thủ các quy hoạch đã được phê duyệt, quy hoạch mạng lưới giao thông giữ nguyên cấu trúc khung giao thông chính.

- Giao thông đối ngoại: ĐT.719; Đường ven biển; Trục Đông - Tây.

- Giao thông đối nội:

+ Tuyến trục chính khu vực: Trục chính Bắc – Nam; Trục chính Đông – Tây;

+ Tuyến đường khu vực: Mạng lưới đường trong khu vực được thiết kế dạng ô bàn cờ kết nối mạch lạc với các tuyến chính khu vực. Quy mô lộ giới từ 16-42m.

+ Tuyến đường nội bộ - phân khu vực: Các tuyến đường phân khu vực quy mô mặt cắt từ 9 – 22,5m, kết nối các khu chức năng, các khu nhà ở và tạo cảnh quan cho khu vực, đảm bảo lưu thông thuận tiện tới các trục kết nối chính.

### **7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật**

Căn cứ vào địa hình thực tế 02 xã Tân Tiến, Tân Hải kết hợp với cao độ không chế của Quy hoạch chung thị xã thiết kế cao độ cụ thể cho khu vực như sau:

- Khu vực ven biển cao độ nền thiết kế là:  $H_{xd} \geq 2,50m$ .

- Các khu vực còn lại thì có nền cao và dốc thoải, không bị úng ngập nên cao độ thiết kế bám sát cao độ nền tự nhiên, sạt gạt tạo mặt bằng xây dựng thuận lợi.

- Tại những vị trí xây dựng có sự chênh cao về nền xây dựng (giật cấp, mái dốc) thì cần thiết kế mái taluy hoặc tường chắn để đảm bảo ổn định nền thiết kế.

### **7.3. Quy hoạch cấp nước**

Tiếp tục sử dụng các tuyến ống cấp nước hiện có. Lắp đặt các tuyến ống chính theo quy hoạch chung đã xác định và các tuyến ống phân phối dạng vòng bao phủ mạng giao thông kích thước Ø110-Ø300.

Đường ống được đặt trên vỉa hè. Độ sâu chôn ống tối thiểu 0,5m. Đường ống đi qua đường giao thông chôn sâu tối thiểu 0,7m- 1,0m (tính đến đỉnh ống).

### **7.4. Quy hoạch cấp điện**

Sinh hoạt: 0,5kW/người.

Công trình công cộng dịch vụ : 60-120 Kw/ha.

Công viên cây xanh: 2-12kW/ha.

Giao thông: 12kW/ha.



Tổng phụ tải yêu cầu khu vực đến giai đoạn định hình là 48.930 kW tương đương 57.564 KVA.

### **7.5. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc**

Sinh hoạt: 1 lines/hộ.

Công cộng: 30% sinh hoạt

Tổng nhu cầu thông tin liên lạc đến giai đoạn định hình là 25.578 lines.

### **7.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang**

Nước thải sinh hoạt được thu gom đưa về trạm xử lý. Đảm bảo tối thiểu 80% lượng nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Dựa trên dự báo quy mô về dân số và các khu chức năng, tính toán được lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của khu vực là 10.000m<sup>3</sup>/ngày.

Tiêu chuẩn CTR thải sinh hoạt: 1,0kg/1người/ngày; Tiêu chuẩn CTR công cộng: 20% CTR sinh hoạt. Tổng khối lượng CTR phát sinh khu vực khoảng: 100 Tấn/ngày

### **8. Đánh giá môi trường chiến lược**

Mục tiêu môi trường chính: Quản lý chặt chẽ quỹ đất dự trữ tránh đầu tư dàn trải. Quản lý tài nguyên bền vững, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Bảo tồn cảnh quan nguồn nước cũng như hệ sinh thái thủy sinh khu vực sông Phan. Giảm thiểu mâu thuẫn về lợi ích giữa các bên trong khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian vùng bờ.

### **9. Quy định quản lý xây dựng theo Đồ án Quy hoạch phân khu: đính kèm.**

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng có trách nhiệm:

+ Tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực ven biển hai xã Tân Tiến – Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận cho các đơn vị có liên quan, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

+ Phối hợp với Phòng Quản lý Đô thị, UBND xã Tân Tiến, UBND xã Tân Hải và các đơn vị có liên quan tổ chức công bố, công khai nội dung quy hoạch được duyệt theo quy định.

+ Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng các quy định hiện hành.

- UBND xã Tân Tiến và UBND xã Tân Hải: tiếp nhận hồ sơ quy hoạch được duyệt, phối hợp với Ban Quản lý dự án ĐTXD trong công tác công bố,

công khai, cấm biển panô công bố đồ án quy hoạch được duyệt trên địa bàn mình quản lý.

- Các phòng, đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh văn phòng HĐND & UBND thị xã; Trưởng các phòng, ban: Quản lý đô thị, Tài nguyên - Môi trường, Tài chính – Kế hoạch, Văn hoá & Thông tin, Kinh tế, Giáo dục, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng; Chủ tịch UBND xã Tân Tiến, Chủ tịch UBND xã Tân Hải; Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Sở Xây dựng;
- Thị uỷ La Gi; HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thị xã;
- Như điều 4;
- Trung tâm Văn hoá – Thông tin – TT;
- Lưu: VT, QLĐT(M26b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Trọng Nhân**